

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
(Từ ngày 01 đến 30/6/2026)

1. Lưu vực sông Hồng

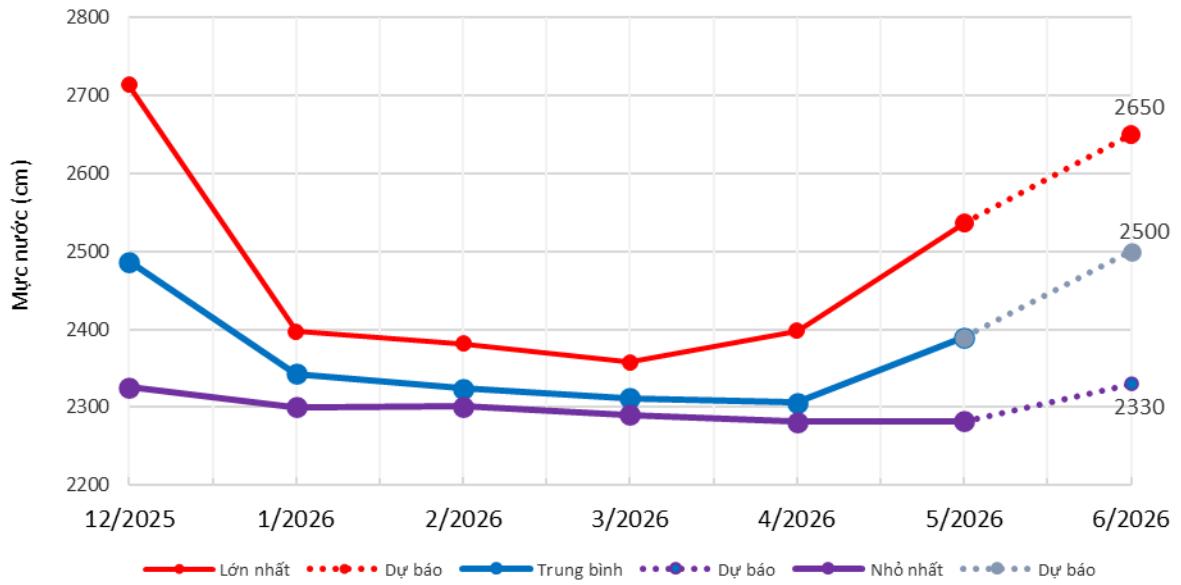
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Sông Thao: Trong tháng 5, trên sông Thao xuất hiện 3 đợt dao động nhỏ với biên độ nước lên từ 1-1,9m
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang chủ yếu dao động và ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên, từ ngày 18-22/5, có xuất hiện dao động dòng chảy do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi theo xu thế lên trong thời kỳ đầu và giữa, biến đổi theo xu thế xuống trong thời kỳ cuối do chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều và ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên.

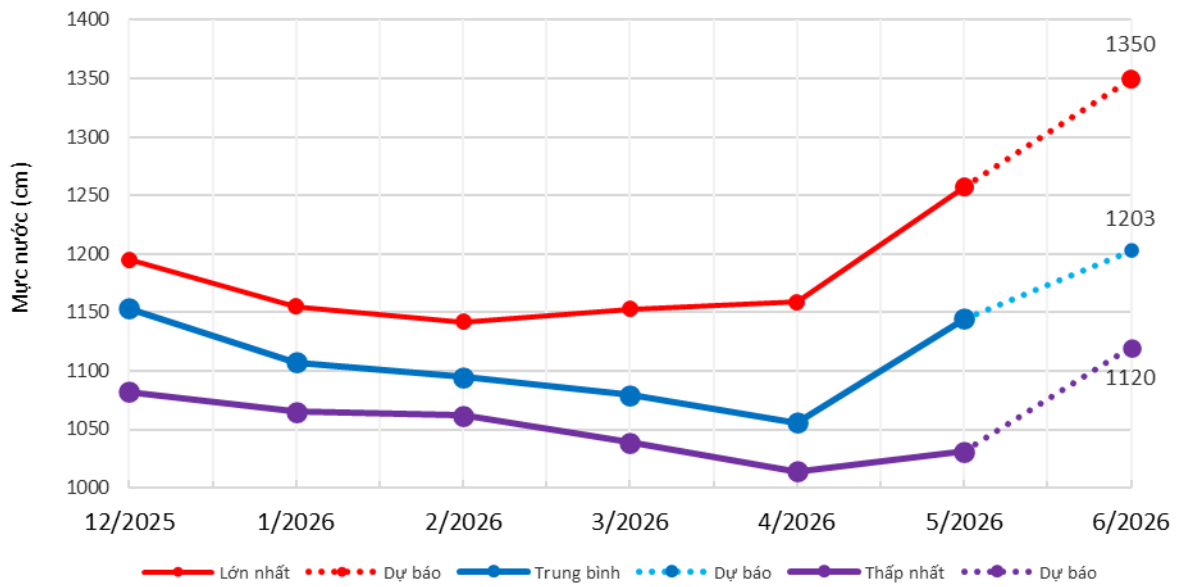
b. Dự báo, cảnh báo

- Sông Thao: Trong tháng 6/2026, trên sông Thao có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ nhỏ.
- Sông Lô: Mực nước trên sông Lô tại Tuyên Quang và Vụ Quang sẽ tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và có khả năng xảy ra 1 - 2 đợt dao động.
- Sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện tuyến trên và có khả năng xuất hiện một số dao động lũ do ảnh hưởng của mưa trên lưu vực.
- Sông Hồng: Mực nước hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm theo xu thế lên do chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều và ảnh hưởng điều tiết thủy điện tuyến trên.

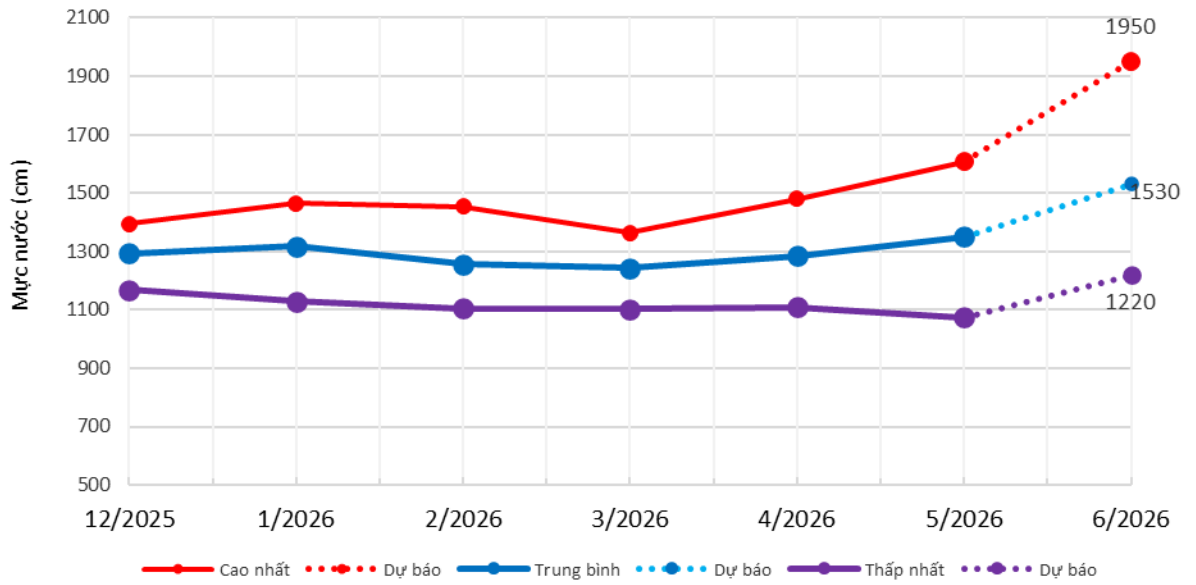
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM YÊN BÁI (SÔNG THAO)



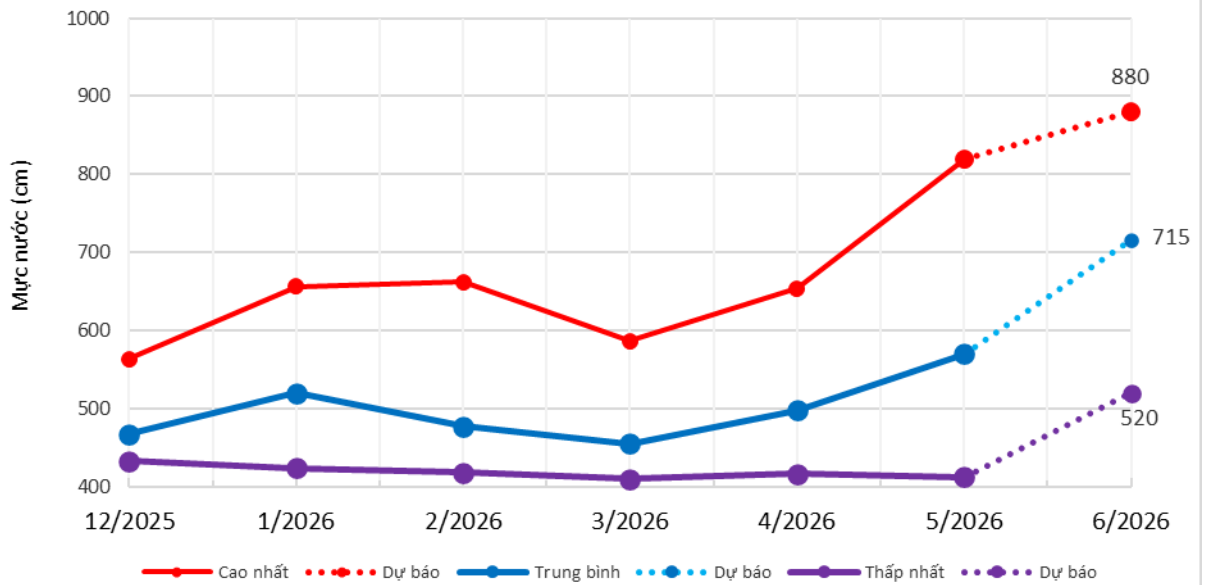
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM PHÚ THỌ (SÔNG THAO)

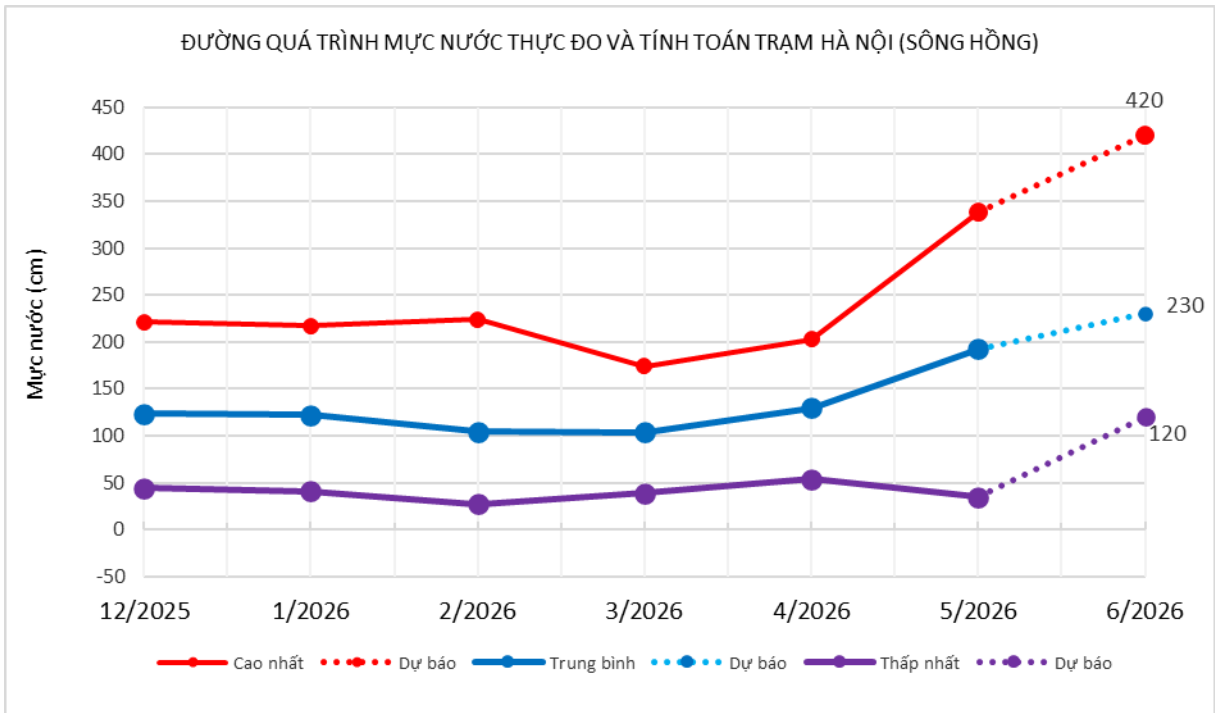
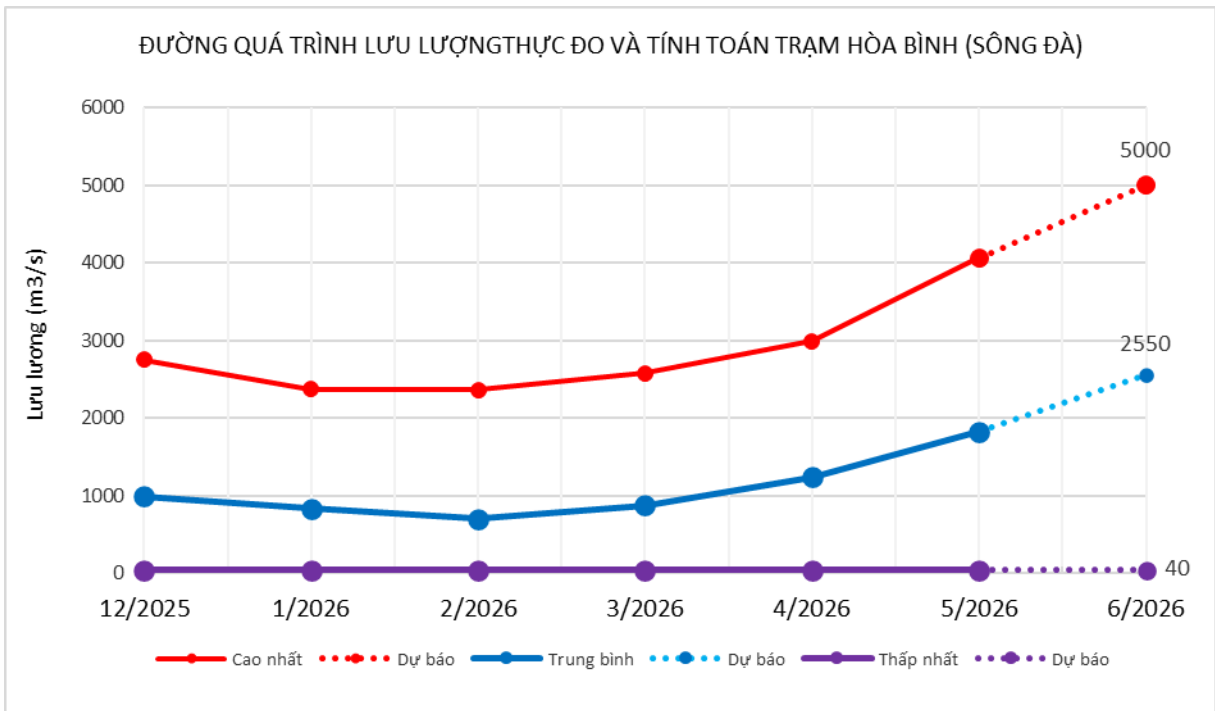


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TUYẾN QUANG (SÔNG LÔ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM VỤ QUANG (SÔNG LÔ)





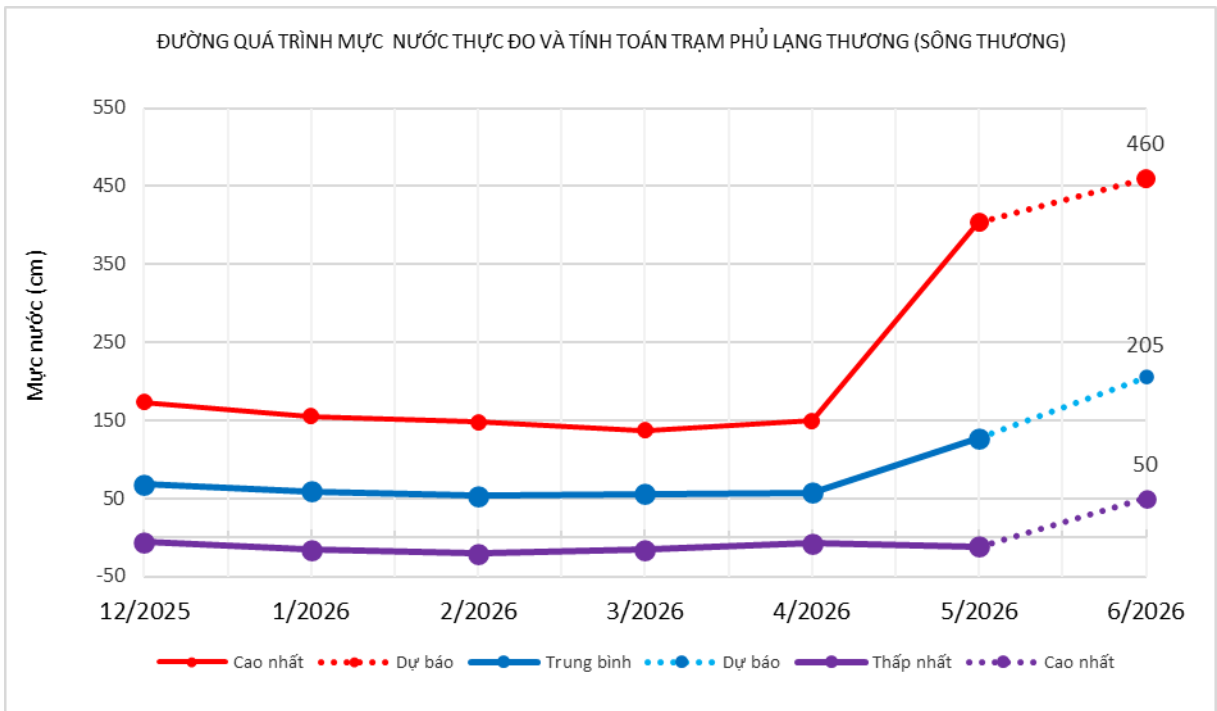
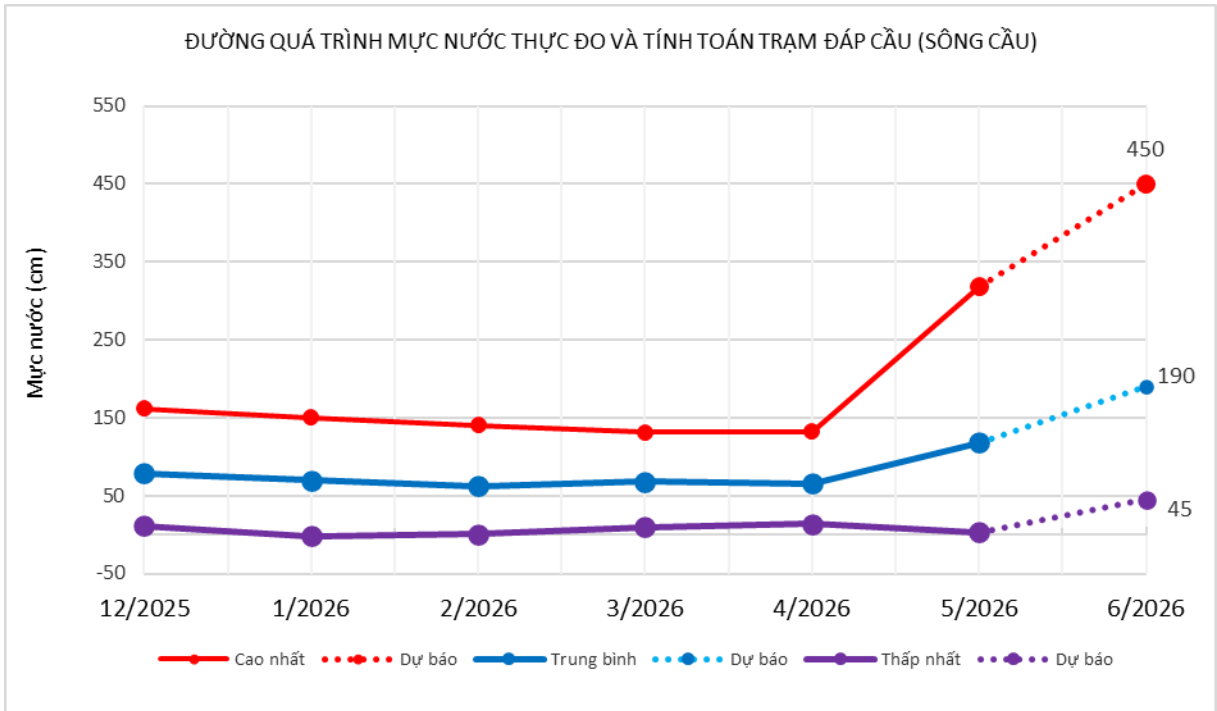
2. Lưu vực sông Thái Bình

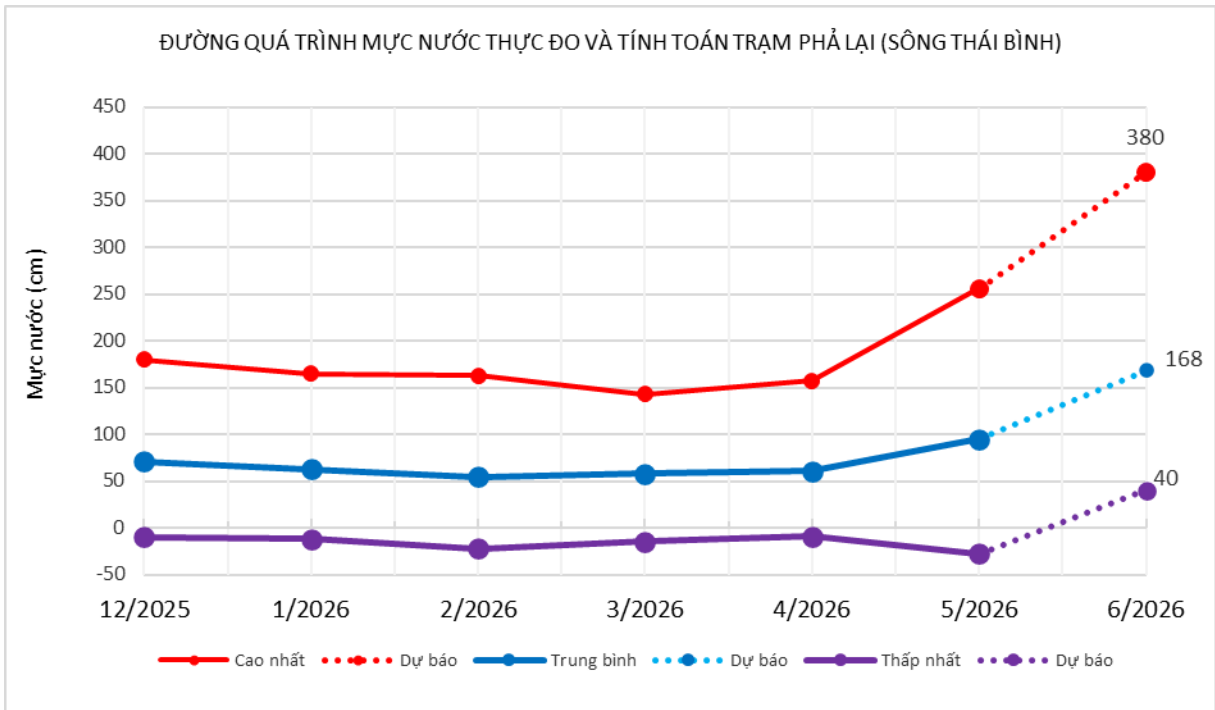
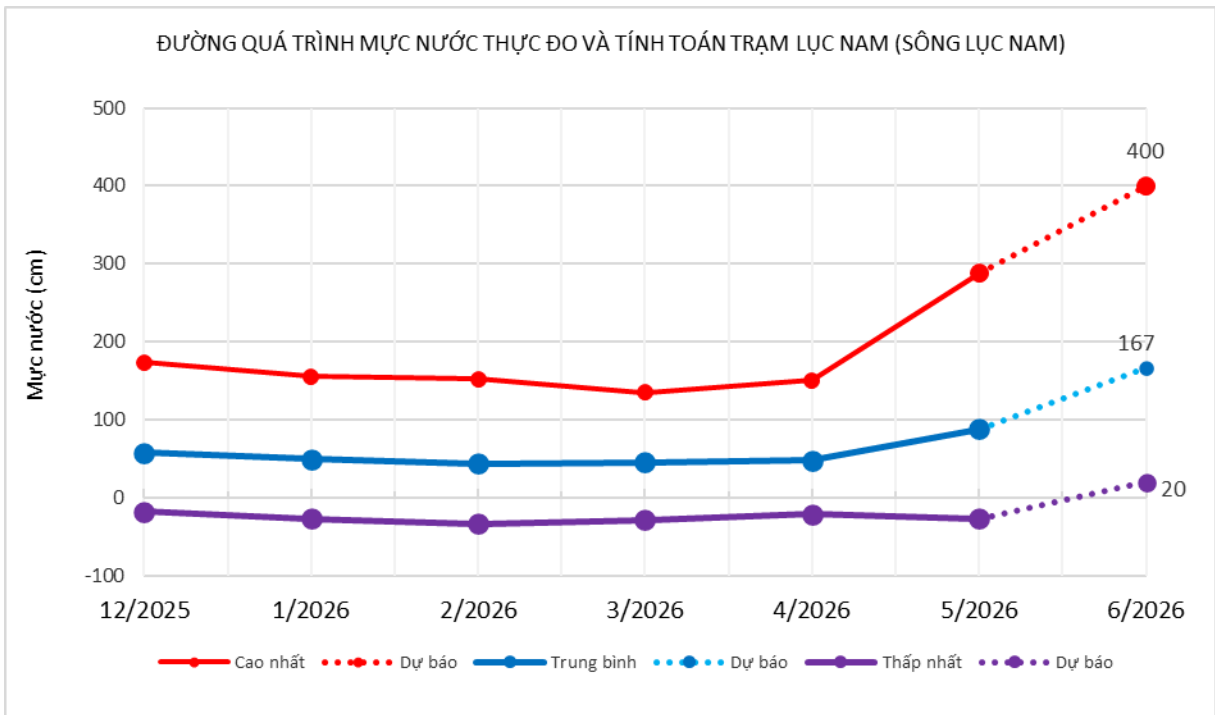
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng 5/2026, mực nước tại các trạm thượng lưu và trung lưu các sông Cầu, Lục Nam thuộc hệ thống sông Thái Bình biến đổi chậm; thượng và trung lưu sông Thương xuất hiện 01 đợt lũ tập trung từ ngày 21-22/5 với đỉnh lũ tại trạm Phủ Lạng Thương là 4,04m (11h/22/05) dưới báo động (BĐ) 1 0,26m. Các trạm phía hạ lưu các sông chịu ảnh hưởng mạnh của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong tháng 06/2026, trên các sông thuộc hệ thống sông Thái Bình có khả năng xuất hiện từ 1-2 đợt lũ. Đỉnh lũ cao nhất tháng tại các trạm ở hạ lưu các sông khả năng ở mức BĐ1-BĐ2. Đặc trưng mực nước dự báo tại các trạm theo từng thời đoạn chi tiết trong bảng phụ lục.





3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

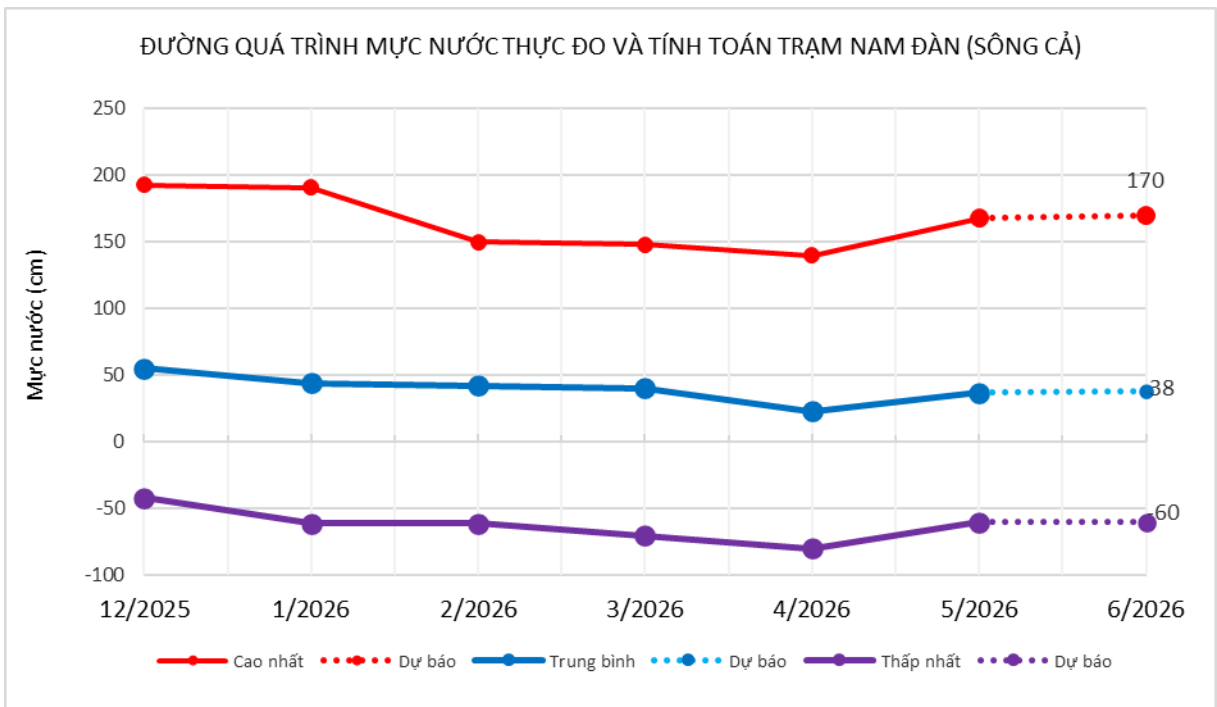
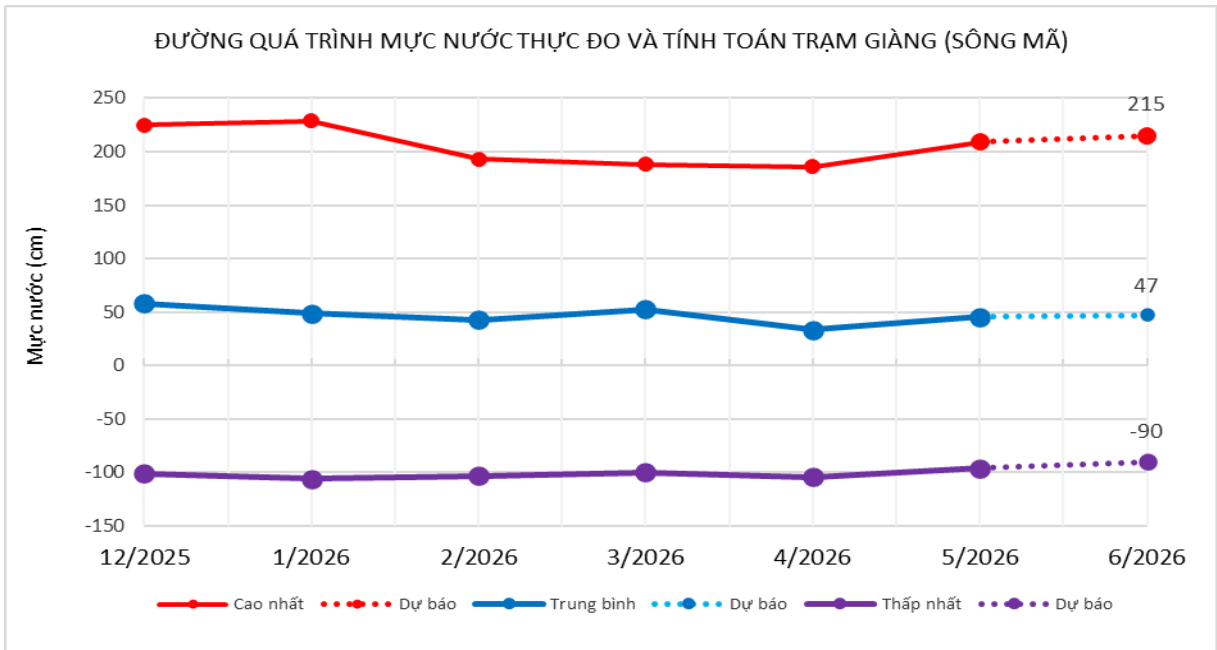
- Trên lưu vực các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 5/2026, từ ngày 08-12/05, trên sông Bưởi, sông Ngàn Sâu và Ngàn Phố xuất hiện lũ nhỏ với biên độ từ 1,0-2,1m; mực nước đỉnh lũ trên các sông còn dưới mức BĐ1. Mực nước thượng lưu các sông khác biến đổi chậm, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa; hạ lưu biến đổi theo triều.

- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước ở thượng lưu các sông Quảng Trị biến đổi chậm, ở hạ lưu dao động theo triều; trên các sông ở TP Huế dao động theo điều tiết hồ chứa.

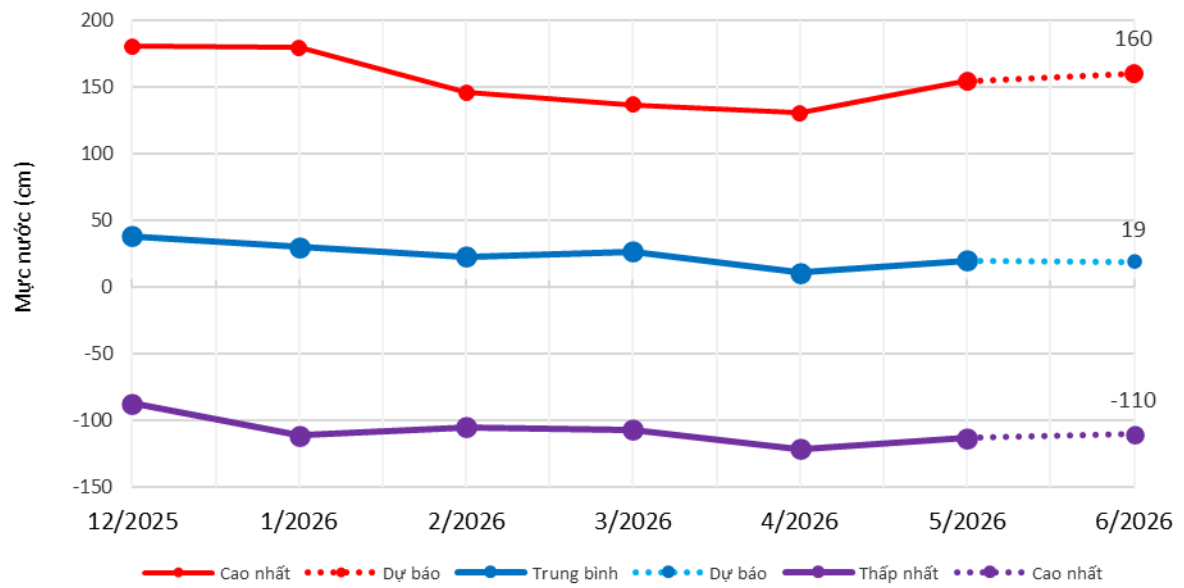
b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh: Trong tháng 6/2026, mực nước thượng lưu các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An khả năng xuất hiện lũ nhỏ, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều.

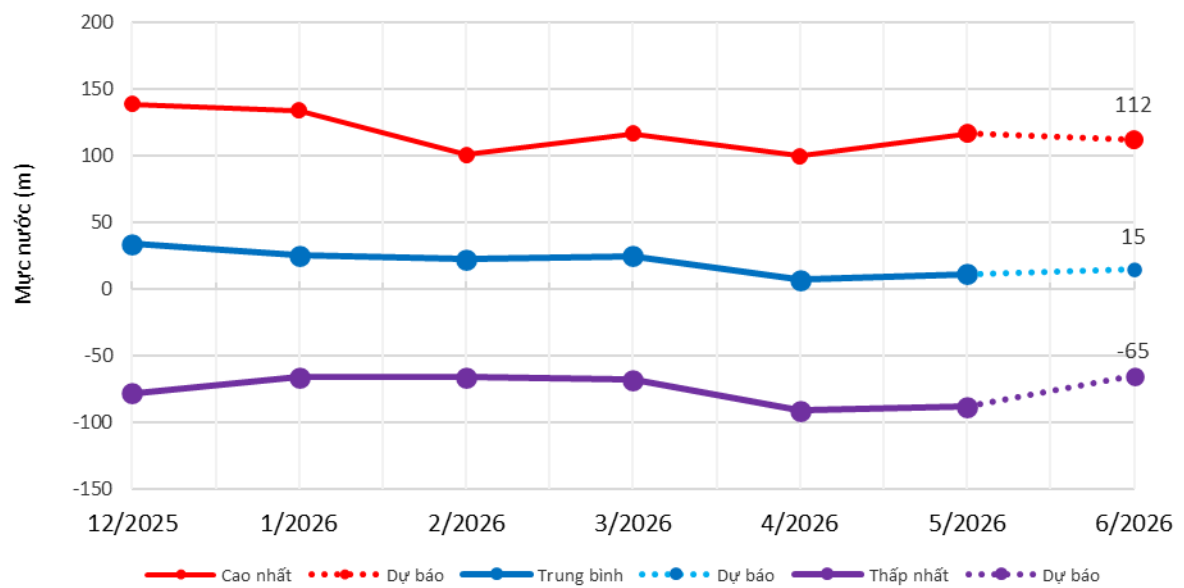
- Các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Mực nước trên các sông có dao động.

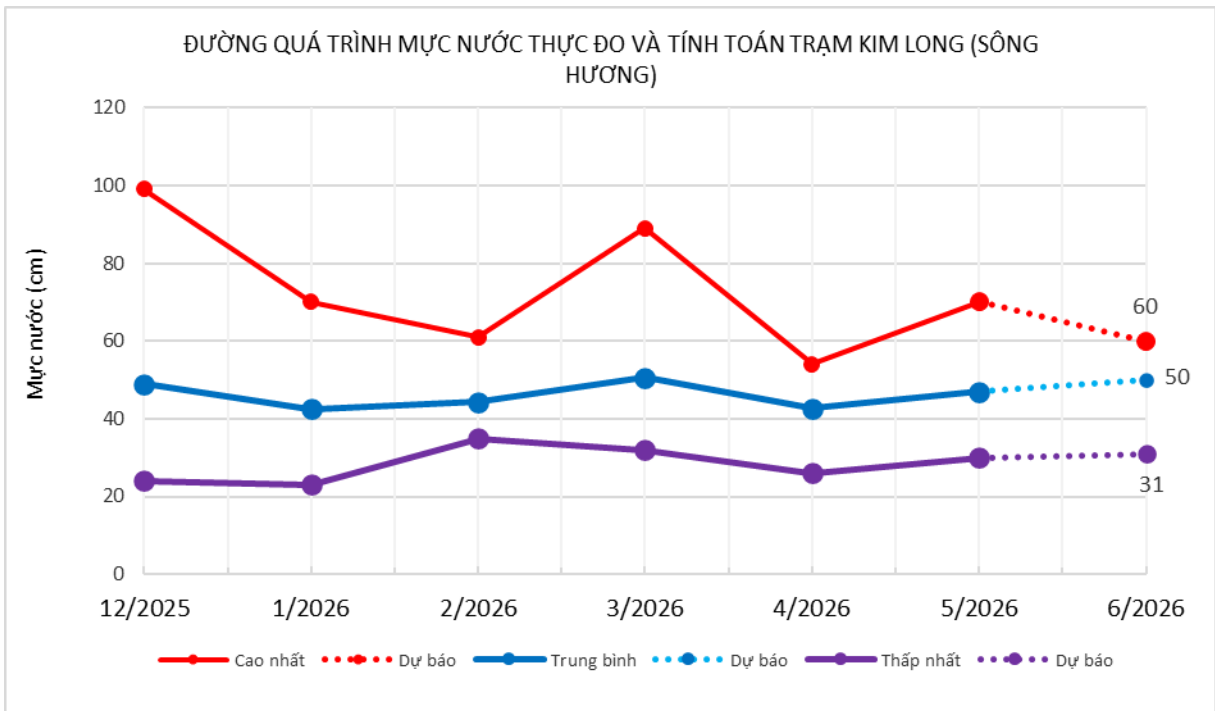


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM LINH CẨM (SÔNG LA)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM MAI HÓA (SÔNG GIANH)





4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tháng 05, mực nước trên thượng lưu các sông biến đổi chậm, hạ lưu biến đổi theo triều.

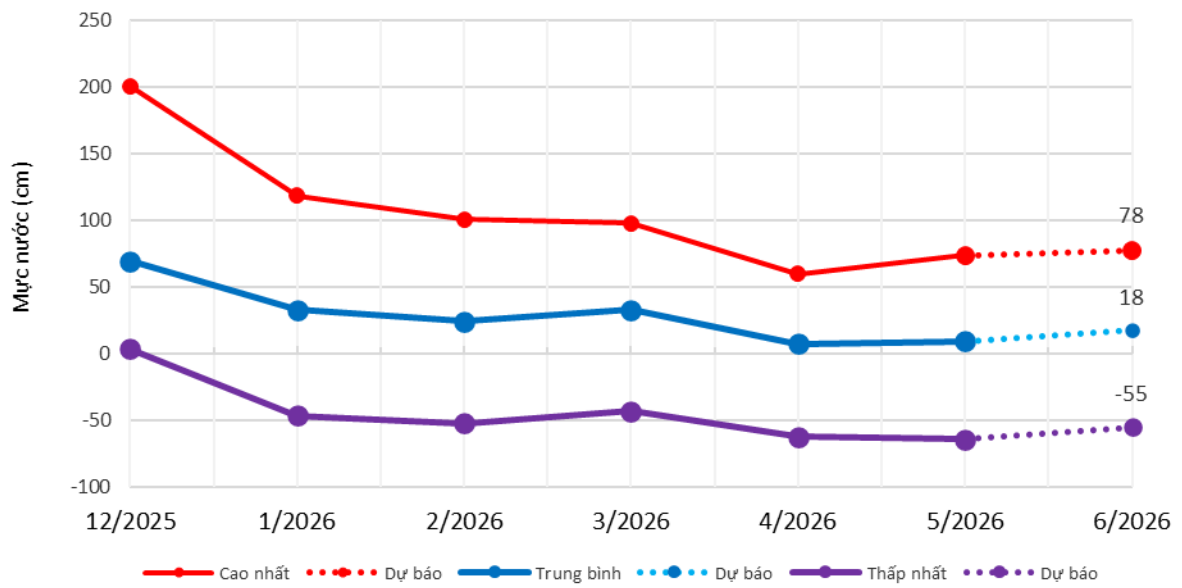
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Mực nước trên các sông biến đổi chậm và có xuất hiện dao động nhỏ, riêng thượng nguồn sông Ba tại trạm Pơ Mơ Rê từ ngày 17-19/5 đã xuất hiện một đợt lũ với biên độ lũ lên trên 2m. Hạ lưu sông Kôn, mực nước tại trạm Thạnh Hòa dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Mực nước hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

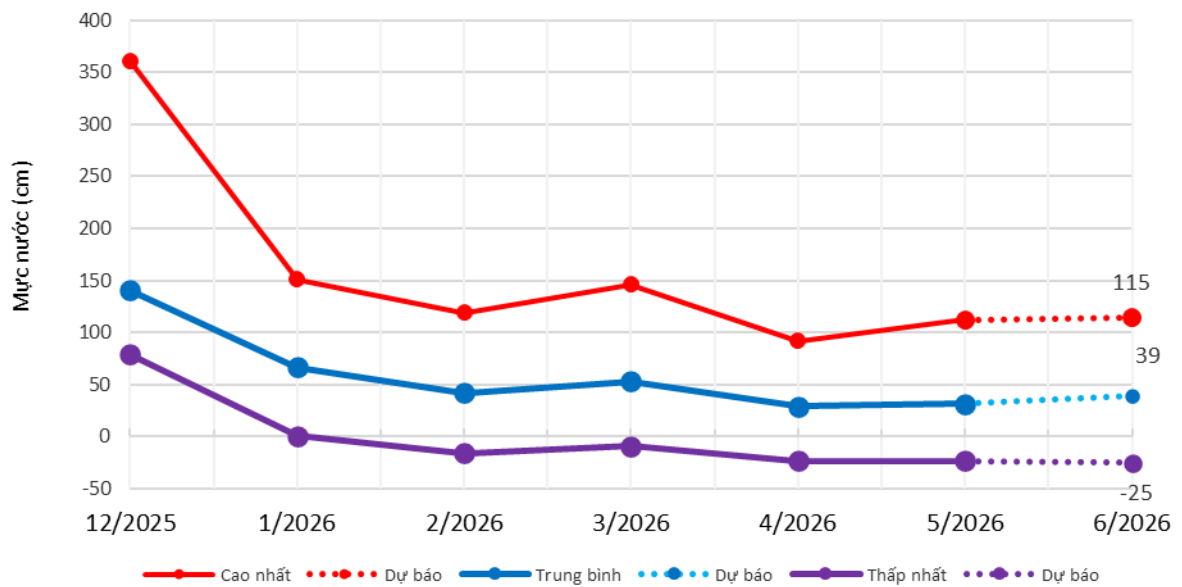
- Các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Tháng 06/2026, mực nước trên các sông biến đổi chậm.

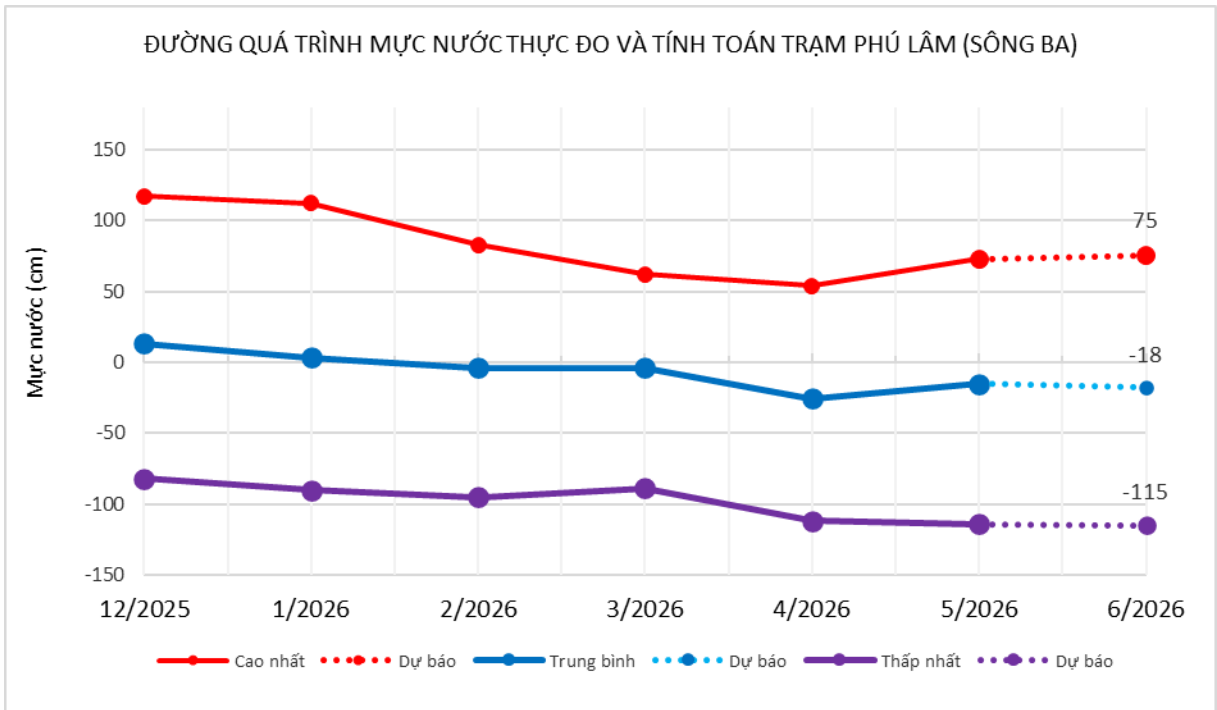
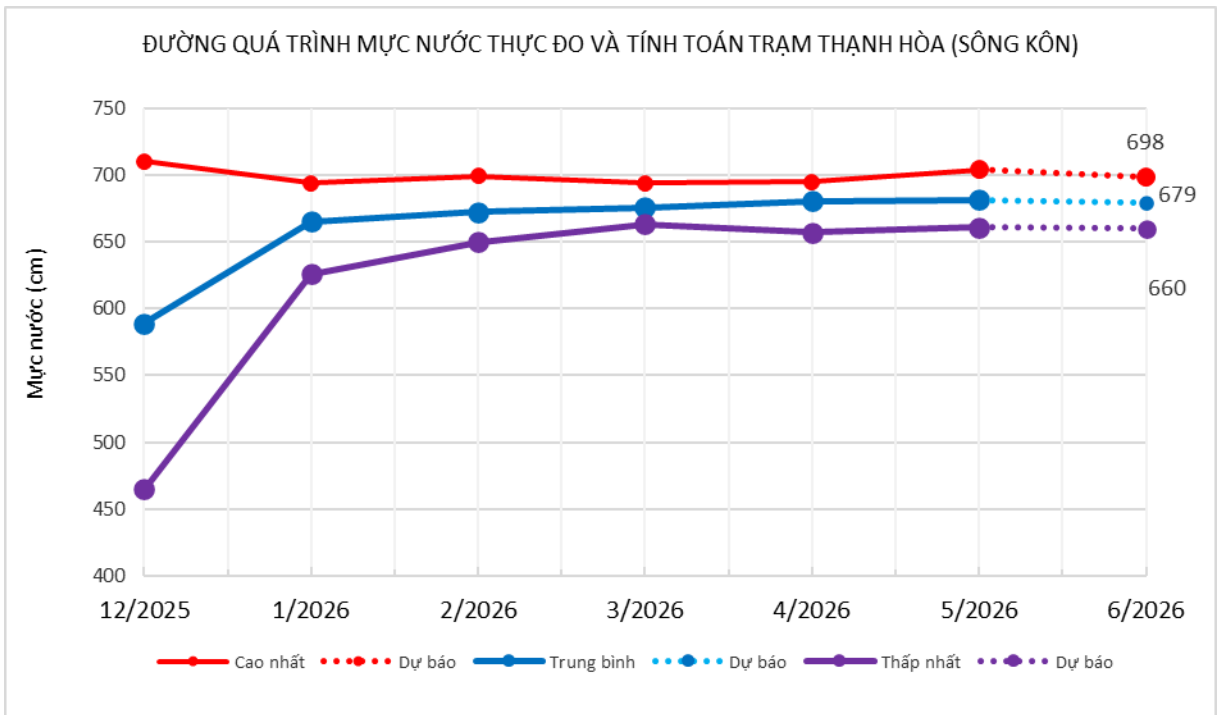
- Các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tháng tới, mực nước trên các sông biến đổi chậm và có khả năng xuất hiện dao động. Hạ lưu sông Kôn tại trạm Thạnh Hòa mực nước dao động theo vận hành của đập thủy lợi. Hạ lưu sông Ba dao động do chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện tuyến trên và thủy triều.

ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM CẦU LÂU (SÔNG THU BỒN)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM TRÀ KHÚC (SÔNG TRÀ KHÚC)





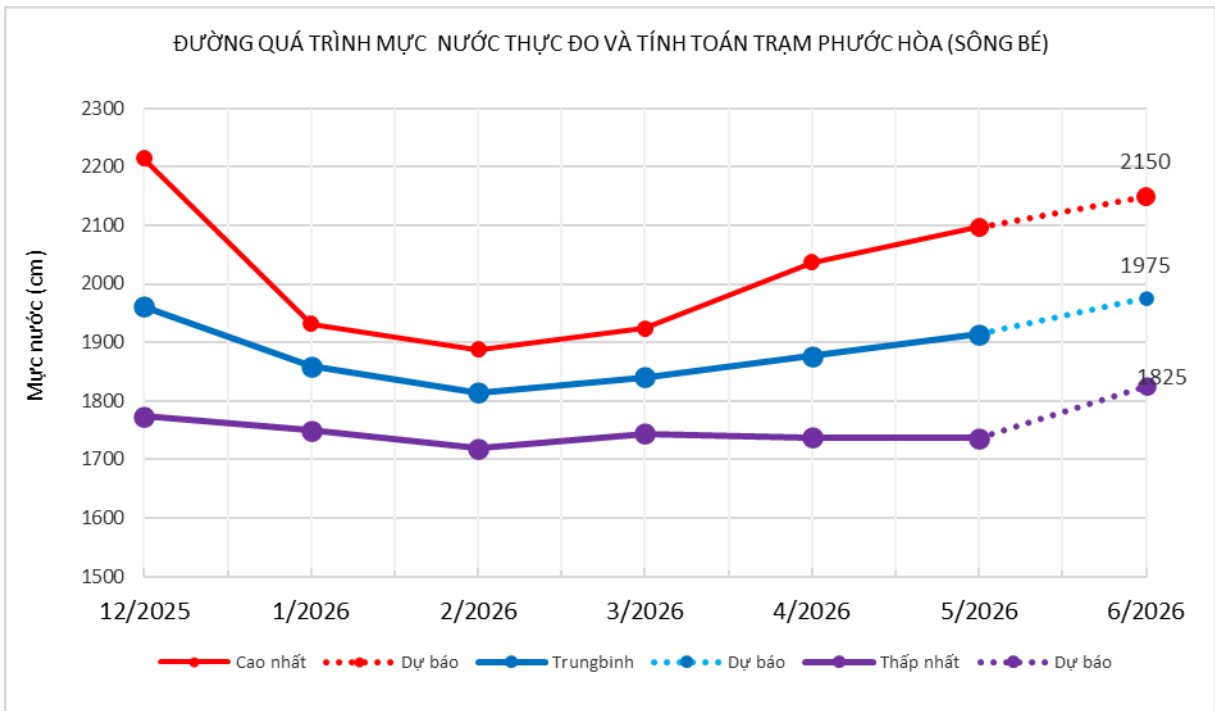
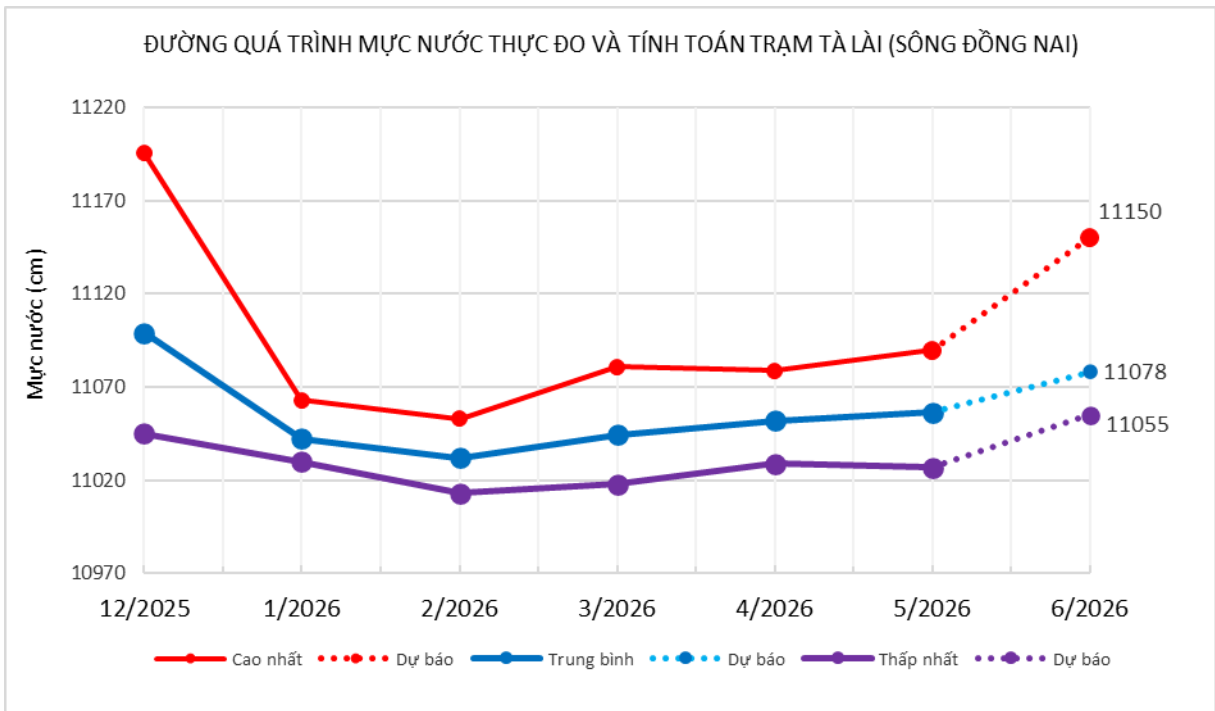
5. Các lưu vực sông thuộc khu vực Đông Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên sông Đồng Nai và trên sông Bé dao động theo điều tiết vận hành của thủy điện.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Đồng Nai và sông Bé dao động theo điều tiết vận hành của thủy điện.



6. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

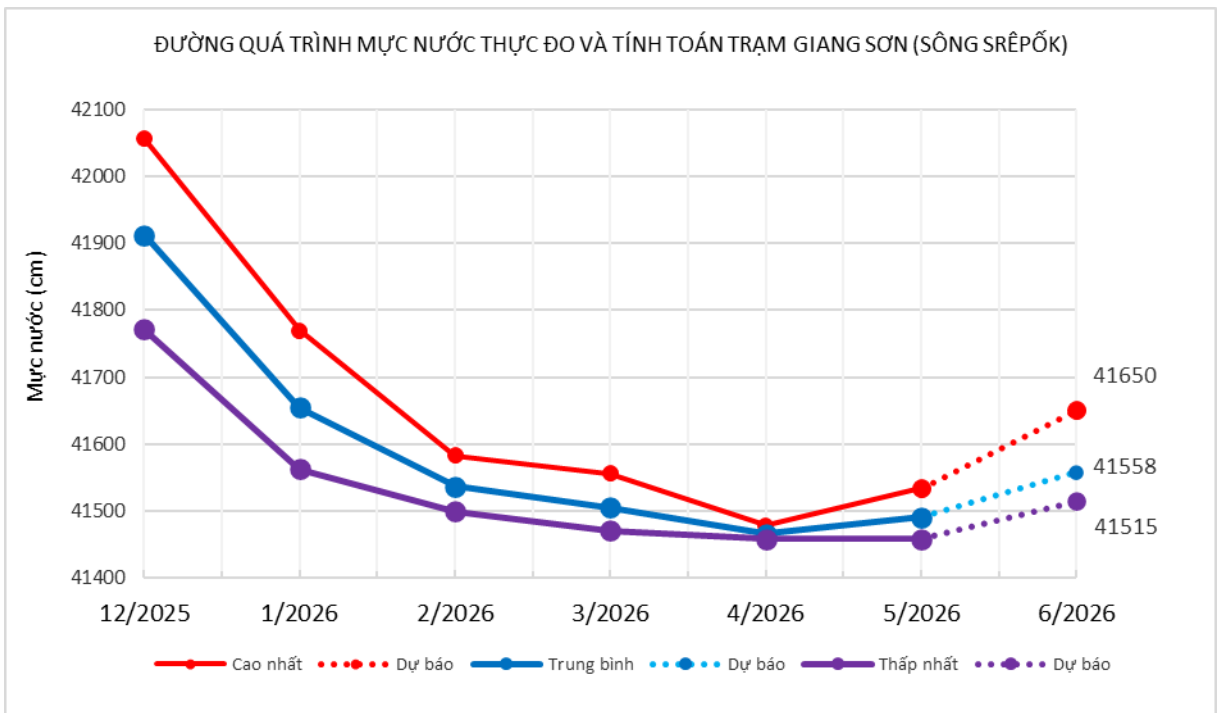
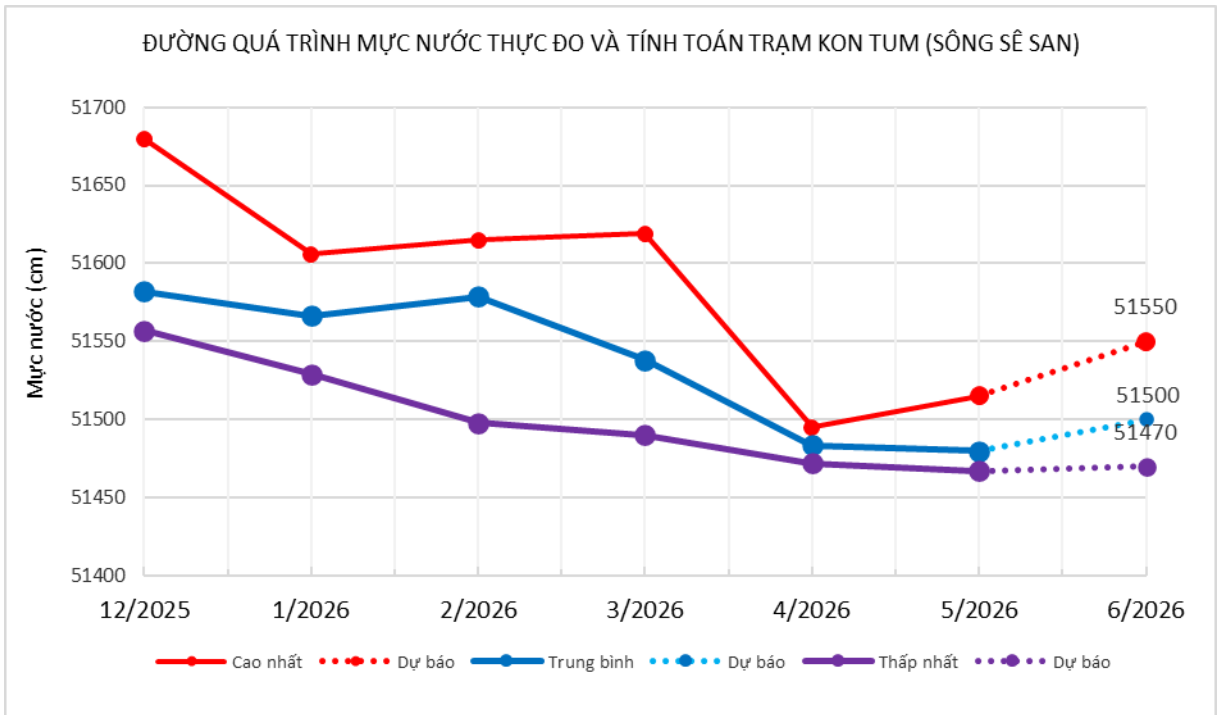
- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tháng 05, mực nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của các hồ thủy điện và các công trình thùy lợi, sông Krông Ana mực nước có xu thế tăng.

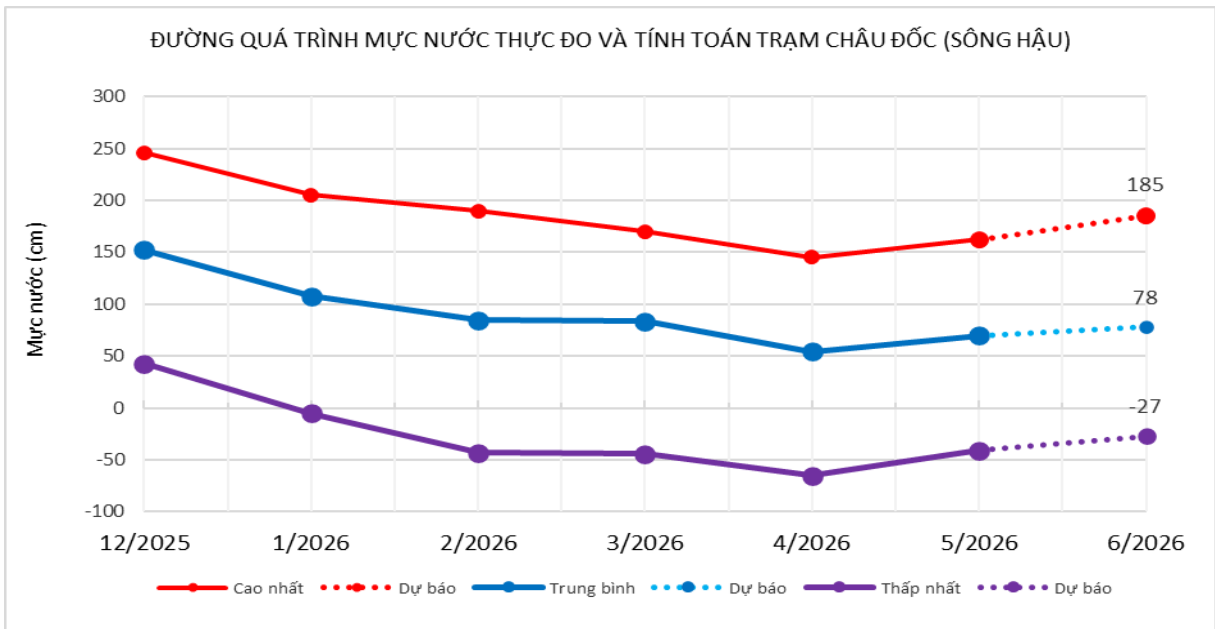
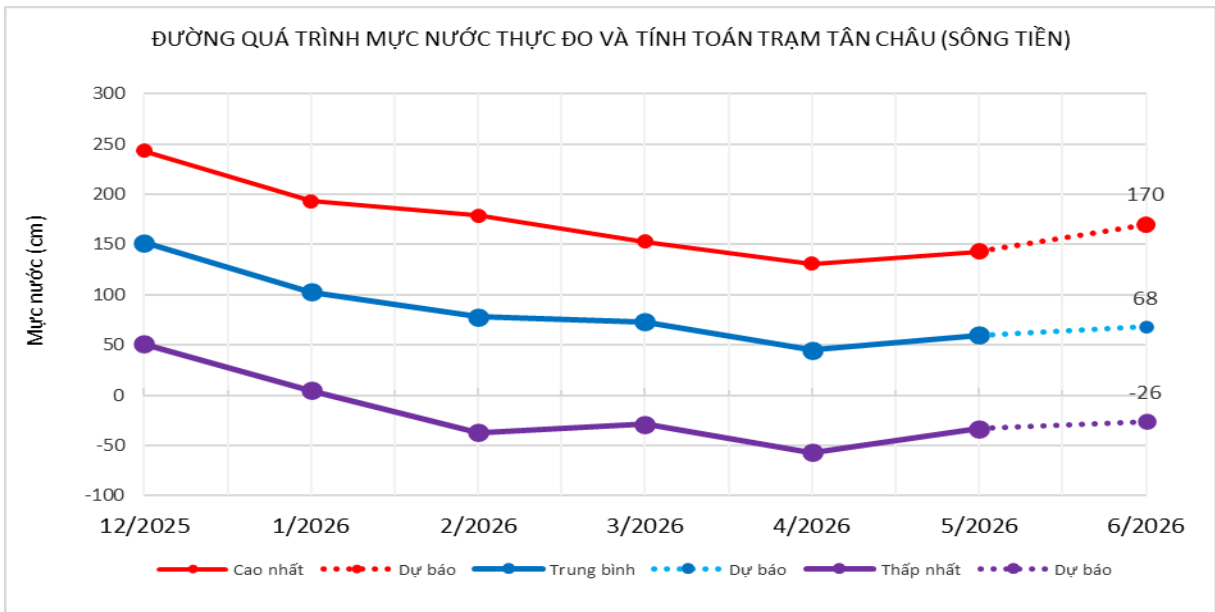
- Sông Cửu Long: Mực nước đầu nguồn sông Cửu Long dao động theo triều với xu thế xuống. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 1,43m (ngày 20/5); trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc 1,62m (ngày 20/5).

b. Dự báo, cảnh báo

- Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Mức nước trên các sông phổ biến dao động theo vận hành của các hồ thủy điện và các công trình thủy lợi, mực nước sông Krông Ana biến đổi chậm theo xu thế lên dần.

- - Sông Cửu Long: Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất tháng trên sông Tiền tại trạm Tân Châu là 1,7m, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc là 1,8m.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h ngày 01/07/2026

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	1790	4068	40	2250	4000	40	2520	4500	100	2880	5000	250	2550	5000	40
Thao	Yên Bái	2390	2536	2282	2440	2600	2330	2500	2620	2350	2560	2650	2360	2500	2650	2330
Thao	Phú Thọ	1146	1257	1031	1160	1250	1120	1200	1300	1150	1250	1350	1180	1203	1350	1120
Lô	Tuyên Quang	1348	1607	1075	1430	1560	1350	1480	1680	1220	1680	1950	1360	1530	1950	1220
Lô	Vụ Quang	578	819	412	645	780	560	680	820	520	820	880	580	715	880	520
Cầu	Đáp Cầu	118	318	3	130	260	45	140	280	50	300	450	90	190	450	45
Thương	Phủ Lạng Thương	127	404	-12	145	280	50	150	290	60	320	460	100	205	460	50
Lục Nam	Lục Nam	88	288	-27	120	220	20	130	230	40	250	400	80	167	400	20
Hồng	Hà Nội	193	338	35	170	260	120	180	300	130	320	420	160	230	420	120
Thái Bình	Phả Lại	95	256	-28	125	240	40	130	250	50	250	380	40	168	380	40
Mã	Giàng	45	209	-96	31	175	-90	55	215	-90	55	195	-80	47	215	-90
Cả	Nam Đàn	37	168	-60	33	135	-55	40	170	-60	42	155	-50	38	170	-60
La	Linh cảm	20	155	-113	16	125	-100	20	160	-110	22	140	-100	19	160	-110
Giang	Mai Hóa	12	117	-88	13	105	-85	18	112	-100	15	95	-95	15	112	-65
Hương	Kim Long	47	70	30	50	56	45	53	60	35	48	50	31	50	60	31
Thu Bồn	Câu Lâu	10	74	-64	15	68	-45	22	78	-55	18	58	-35	18	78	-55
Trà	Trà Khúc	32	112	-23	36	100	-25	45	115	-18	35	105	-15	39	115	-25

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			10 ngày cuối			Tháng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Khúc																
Kôn	Thạnh Hòa	681	704	661	678	695	660	680	698	665	678	696	660	679	698	660
Đà Rằng	Phú Lâm	-18	73	-114	-20	60	-110	-18	75	105	-15	70	-115	-18	75	-115
Đăkbla	Kon Tum	51479	51515	51467	51485	51510	51470	51495	51520	51475	51520	51550	51580	51500	51550	51470
Krông Ana	Giang Sơn	41491	41534	41459	41543	41585	41515	41540	41570	41520	41590	41650	41530	41558	41650	41515
Bé	Phước Hòa	1919	2097	1737	1970	2110	1825	1975	2120	1835	1980	2150	1855	1975	2150	1825
Đồng Nai	Tà Lài	11056	11090	11027	11070	11105	11055	11080	11135	11060	11085	11150	11065	11078	11150	11055
Tiền	Tân Châu	59	143	-33	55	145	-26	70	170	-10	80	150	40	68	170	-26
Hậu	Châu Đốc	69	162	-41	65	160	-27	80	185	-10	90	165	30	78	185	-27